

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 06-9-2021  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Vĩnh

Ông Nguyễn Văn Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gám - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 678/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phùng Văn K, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn là bà Ngô Thị T trình bày: Bà và ông Phùng Văn K tự nguyện xây dựng hạnh phúc và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi xây dựng hạnh phúc ông bà chung sống với nhau tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng

được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu quan tâm và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, ông K bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng từ năm 2010 đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với ông K. Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phùng Anh T sinh năm 1985 và Phùng Tuấn A sinh năm 1988, các con của ông bà đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà T không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phùng Văn K trình bày nội dung hoàn toàn thống nhất như bà T đã nêu, ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và đồng ý với đề nghị xin ly hôn của bà T. Về con chung, tài sản chung: Ông K cũng hoàn toàn nhất trí như nội dung bà T đã trình bày và ông cũng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các biên bản xác minh tại gia đình, địa phương đều thể hiện ông K và bà T không có đăng ký kết hôn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, con chung như ông bà đã khai.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị T và ông Phùng Văn K đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án nhân dân huyện An Lão đã xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng" là chưa đúng do bà T và ông K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 nên cần phải xác định là "Ly hôn" theo hướng dẫn tại Điểm a Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và Điểm b Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án, tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 89 và

Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm b Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị T được ly hôn ông Phùng Văn K; về con chung, tài sản chung các đương sự đều không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí: Bà T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị T có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với ông Phùng Văn K. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông K là bị đơn trong vụ án và cư trú tại xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bà Ngô Thị T và ông Phùng Văn K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T và ông Phùng Văn K tự nguyện xây dựng hạnh phúc và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với ông K. Ông K cũng đồng ý với đề nghị của bà T. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà T đề nghị được ly hôn với ông K là có căn cứ. Quan hệ vợ chồng của bà T và ông K được xác lập từ năm 1984, là hôn nhân

thực tế và được pháp luật thừa nhận. Do vậy cần áp dụng quy định tại Điều 85, Điều 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm b Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điểm b Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và giải quyết cho bà T được ly hôn ông K.

[4] Về con chung: Bà Ngô Thị T và ông Phùng Văn K có 02 con chung là Phùng Anh T sinh năm 1985 và Phùng Tuấn A sinh năm 1988, các con của ông bà đều đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T và ông K không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà T và ông K được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 87, Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 Ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị T được ly hôn ông Phùng Văn K;
2. Về con chung: Bà Ngô Thị T và ông Phùng Văn K có 02 con chung đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải chăm sóc, nuôi dưỡng, ông bà không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ngô Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019256 ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Bà Ngô Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Ngô Thị T và ông Phùng Văn K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. An Lão;
- Chi cục THADS H. An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duyên**